074101.26

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM

Số: 074101.26

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO
Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

1.0 Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam
- Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng số 09/GP-NHNN ngày 13.02.2026 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/GP-NHNN ngày 19.09.2022.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số điện thoại: 028 6299 9039 Fax: 028 6299 9040 Email: vib@vib.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Mã số thuế: 0100233488
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
   a) Cho vay;
   b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
   c) Bảo lãnh ngân hàng;
   d) Phát hành thẻ tín dụng;
   e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
   f) Thư tín dụng.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
   a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
   b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.
9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

M.S.D.N: 010023 NGÂN H. THƯƠNG MẠI QUỐC VIỆT N THÀNH PHỐ H

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.
12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
15. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế: Visa, MasterCard, JCB, Amex.
16. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.
18. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
19. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
20. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
21. Các hoạt động kinh doanh khác
    a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
    b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ không qua tài khoản;
    c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;
    d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;
    e) Kinh doanh vàng (theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước);
    f) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
    g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;
    h) Phát hành trái phiếu;
    i) Lưu ký chứng khoán;
    j) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
    k) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
23. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.
24. Mua nợ.

2.0 Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

- Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại các nghị quyết được nêu chi tiết dưới đây:

074101.26

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

STT	Mã trái phiếu	Văn bản phê duyệt	Tổng Khối lượng phát hành theo mệnh giá (đồng)	Mục đích sử dụng vốn
I	**Trái phiếu đã phát hành đã đáo hạn, mua lại và được thanh toán trong kỳ báo cáo**			
1	VIBL2226001	Nghị quyết số 010.22.BOD ngày 22 tháng 02 năm 2022	948.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
2	VIBL2330004	Nghị quyết số 050.23.BOD ngày 28 tháng 09 năm 2023	1.210.000.000.000	Bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
3	VIBL2330005	Nghị quyết số 050.23.BOD ngày 28 tháng 09 năm 2023	790.000.000.000	Bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
4	VIBL2427001	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
5	VIBL2427002	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	1.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
6	VIBL2427003	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
7	VIBL2427004	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
8	VIBL2427005	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp

STT	Mã trái phiếu	Văn bản phê duyệt	Tổng Khối lượng phát hành theo mệnh giá (đồng)	Mục đích sử dụng vốn
9	VIBL2427006	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	1.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
10	VIBL2427007	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
11	VIBL2427008	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
12	VIBL2427009	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
II	**Trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025**			
1	VIBL2431010	Nghị quyết số 053.24.BOD ngày 6 tháng 12 năm 2024	2.000.000.000.000	Bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
2	VIB12501	Nghị quyết số 046.25.BOD ngày 20 tháng 08 năm 2025	1.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
3	VIB12502	Nghị quyết số 046.25.BOD ngày 20 tháng 08 năm 2025	1.200.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
4	VIB12503	Nghị quyết số 046.25.BOD ngày 20 tháng 08 năm 2025	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp

STT	Mã trái phiếu	Văn bản phê duyệt	Tổng Khối lượng phát hành theo mệnh giá (đồng)	Mục đích sử dụng vốn
5	VIB12504	Nghị quyết số 049.25.BOD ngày 12 tháng 09 năm 2025	2.425.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
6	VIB12505	Nghị quyết số 049.25.BOD ngày 12 tháng 09 năm 2025	1.575.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
7	VIB12506	Nghị quyết số 046.25.BOD ngày 20 tháng 08 năm 2025	3.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
8	VIB12507	Nghị quyết số 046.25.BOD ngày 20 tháng 08 năm 2025	3.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
9	VIB12508	Nghị quyết số 046.25.BOD ngày 20 tháng 08 năm 2025	3.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
10	VIB12509	Nghị quyết số 046.25.BOD ngày 20 tháng 08 năm 2025	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
11	VIB12510	Nghị quyết số 046.25.BOD ngày 20 tháng 08 năm 2025	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp

3.0 Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu và tiến độ giải ngân số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn dư nợ:

Kỳ báo cáo: năm 2025

074101.26

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01.01.2025 đến ngày 31.12.2025	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2025
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
I.	**Tăng vốn cấp 2**		**4.000.000.000.000**	**4.000.000.000.000**	**8.000.000.000.000**
1	Hoạt động cho vay		4.000.000.000.000	-	4.000.000.000.000
1.1		VIBL2330004	1.210.000.000.000	-	1.210.000.000.000
1.2		VIBL2330005	790.000.000.000	-	790.000.000.000
1.3		VIBL2431010	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.4		VIB12504		2.425.000.000.000	2.425.000.000.000
1.5		VIB12505		1.575.000.000.000	1.575.000.000.000
II.	**Mục đích khác theo pháp luật các tổ chức tín dụng**		**16.948.000.000.000**	**17.200.000.000.000**	**34.148.000.000.000**
1	Hoạt động cho vay		16.948.000.000.000	17.200.000.000.000	34.148.000.000.000
1.6		VIBL2226001	948.000.000.000	-	948.000.000.000
1.7		VIBL2427001	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.8		VIBL2427002	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
1.9		VIBL2427003	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.10		VIBL2427004	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.11		VIBL2427005	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.12		VIBL2427006	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
1.13		VIBL2427007	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.14		VIBL2427008	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.15		VIBL2427009	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.16		VIB12501	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.17		VIB12502	-	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
1.18		VIB12503	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
1.19		VIB12506	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000

074101.26

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01.01.2025 đến ngày 31.12.2025	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2025
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
1.20		VIB12507	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
1.21		VIB12508	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
1.22		VIB12509	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
1.23		VIB12510	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Tổng (I+II)			**20.948.000.000.000**	**21.200.000.000.000**	**42.148.000.000.000**

Ghi chú: Trong kỳ báo cáo, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đã thực hiện thủ tục mua lại với mã trái phiếu: VIBL2226001, VIBL2330004, VIBL2330005, VIBL2427001, VIBL2427002, VIBL2427003, VIBL2427004, VIBL2427005, VIBL2427006, VIBL2427007, VIBL2427008, VIBL2427009.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của báo cáo nêu trên.

Người lập báo cáo
Giám đốc Phòng Thị trường vốn - TRS

Nguyễn Ngọc Thanh

TUQ. Tổng Giám đốc
Người được ủy quyền công bố thông tin

M.S.D.N: 0100233488 - C.T.
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Minh Huệ

074101.26

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

VIETNAM INTERNATIONAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

No: 074101.26

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Ho Chi Minh City, 27th March 2026

REPORT ON THE USE OF PROCEEDS
FROM THE BOND ISSUANCE FOR OUTSTANDING BONDS

1.0 Enterprise information

- Enterprise name: Vietnam International Commercial Joint Stock Bank
- The Establishment and Operation License No. 09/GP-NHNN dated 13 February 2026 was issued by the State Bank of Vietnam to replace the Establishment and Operation License No. 23/GP-NHNN dated 19 September 2022.
- Head office address: Floor 1 (ground floor) and Floor 2, Sailing Tower, No. 111A Pasteur, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Telephone: 028 6299 9039 Fax: 028 6299 9040 Email: vib@vib.com.vn
- Type of enterprise: Joint stock company
- Tax code: 0100233488
- Principal business lines:

1. Receiving demand deposits, time deposits, savings deposits, and other types of deposits.
2. Issuing certificates of deposit.
3. Granting credit in the following forms:
   a) Lending;
   b) Discounting and rediscounting;
   c) Bank guarantees;
   d) Issuing credit cards;
   e) Domestic factoring; international factoring for banks authorized to conduct international payments;
   f) Letters of credit.
4. Opening payment accounts for customers.
5. Providing payment instruments.
6. Providing payment services via accounts, including:
   a) Domestic payment services such as cheques, payment orders, credit transfers, collection orders, remittances, bank cards, collection and disbursement services;
   b) International payment services in accordance with regulations of the State Bank of Vietnam.
7. Borrowing from the State Bank of Vietnam through refinancing facilities.
8. Buying and selling valuable papers with the State Bank of Vietnam.
9. Lending, borrowing, placing deposits, receiving deposits, and buying and selling valuable papers with credit institutions and foreign bank branches in accordance with regulations of the State Bank of Vietnam.
10. Borrowing from abroad in accordance with the law.

11. Opening payment accounts at the State Bank of Vietnam.
12. Opening payment accounts at credit institutions authorized to provide payment services.
13. Opening payment accounts abroad in accordance with foreign exchange regulations.
14. Organizing internal payment systems and participating in the national interbank payment system.
15. Participating in international payment systems: Visa, MasterCard, JCB, Amex.
16. Contributing capital and purchasing shares in accordance with the law and guidance of the State Bank of Vietnam.
17. Conducting foreign exchange business and providing foreign exchange products and services to domestic and foreign customers within the scope authorized by the State Bank of Vietnam.
18. Conducting interest rate derivative business and providing interest rate derivative products and services to domestic and foreign customers in accordance with the law and guidance of the State Bank of Vietnam.
19. Performing entrusted activities, receiving entrustments, acting as an agent in banking operations, and appointing payment agents in accordance with regulations of the State Bank of Vietnam.
20. Acting as an insurance agent in accordance with insurance business laws and within the scope permitted by the State Bank of Vietnam.
21. Other business activities:
    a) Cash management services; treasury services for credit institutions and foreign bank branches; safekeeping services, and rental of safe deposit boxes and vaults;
    b) Providing money transfer, collection, and disbursement services without payment accounts;
    c) Buying and selling State Bank treasury bills, corporate bonds; buying and selling Government debt instruments, Government-guaranteed bonds, local government bonds, and other valuable papers;
    d) Money brokerage services;
    e) Gold trading (in accordance with the law and guidance of the State Bank of Vietnam);
    f) Other services related to factoring and letters of credit;
    g) Advisory services on banking operations and other business activities specified in the License;
    h) Issuing bonds;
    i) Securities custody services;
    j) Bank supervisory services;
    k) Acting as a secured asset management agent for lenders being international financial institutions, foreign credit institutions, domestic credit institutions, and foreign bank branches.
22. Investing in government bond futures contracts.
23. Providing clearing and settlement services for securities transactions
24. Purchasing debts.

2.0 Purpose of the use of proceeds from the bond issuance for oustanding bonds

- Pursuant to the bond issuance plan as approved by the Bank's Board of Directors, as detailed below:

No.	Bond code	Resolution	Total face value of issued bond	The use of proceeds from the bond issuance
I	***Bonds have matured, been repurchased and settled during the reporting period***			

074101.26

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

No.	Bond code	Resolution	Total face value of issued bond	The use of proceeds from the bond issuance
1	VIBL2226001	Resolution No. 010.22.BOD dated 22 February 2022	948.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for increasing VIB's operating capital to strengthen lending to corporate and individual customers
2	VIBL2330004	Resolution No. 050.23.BOD dated 28 September 2023	1.210.000.000.000	Supplement to Tier 2 Capital for lending to corporate and individual customers
3	VIBL2330005	Resolution No. 050.23.BOD dated 28 September 2023	790.000.000.000	Supplement to Tier 2 Capital for lending to corporate and individual customers
4	VIBL2427001	Resolution No. 029.24.BOD dated 05 July 2024	1.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
5	VIBL2427002	Resolution No. 029.24.BOD dated 05 July 2024	2.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
6	VIBL2427003	Resolution No. 029.24.BOD dated 05 July 2024	2.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
7	VIBL2427004	Resolution No. 029.24.BOD dated 05 July 2024	2.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
8	VIBL2427005	Resolution No. 029.24.BOD dated 05 July 2024	2.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
9	VIBL2427006	Resolution No. 029.24.BOD dated 05 July 2024	1.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
10	VIBL2427007	Resolution No. 029.24.BOD dated 05 July 2024	2.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers

No.	Bond code	Resolution	Total face value of issued bond	The use of proceeds from the bond issuance
11	VIBL2427008	Resolution No. 029.24.BOD dated 05 July 2024	2.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
12	VIBL2427009	Resolution No. 029.24.BOD dated 05 July 2024	2.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
II	***Outstanding bonds as of 31 December 2025***			
1	VIBL2431010	Resolution No. 053.24.BOD dated 06 December 2024	2.000.000.000.000	Supplement to Tier 2 Capital for lending to corporate and individual customers
2	VIB12501	Resolution No. 046.25.BOD dated 20 August 2025	1.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
3	VIB12502	Resolution No. 046.25.BOD dated 20 August 2025	1.200.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
4	VIB12503	Resolution No. 046.25.BOD dated 20 August 2025	2.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
5	VIB12504	Resolution No. 046.25.BOD dated 20 August 2025	2.425.000.000.000	Supplement to Tier 2 Capital for lending to corporate and individual customers
6	VIB12505	Resolution No. 046.25.BOD dated 20 August 2025	1.575.000.000.000	Supplement to Tier 2 Capital for lending to corporate and individual customers
7	VIB12506	Resolution No. 046.25.BOD dated 20 August 2025	3.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
8	VIB12507	Resolution No. 046.25.BOD dated 20 August 2025	3.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers

No.	Bond code	Resolution	Total face value of issued bond	The use of proceeds from the bond issuance
9	VIB12508	Resolution No. 046.25.BOD dated 20 August 2025	3.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
10	VIB12509	Resolution No. 046.25.BOD dated 20 August 2025	2.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers
11	VIB12510	Resolution No. 046.25.BOD dated 20 August 2025	2.000.000.000.000	Proceeds from the bond issuance is used for lending purposes to individual and corporate customers

3.0 The use of proceeds from the bond issuance and progress of disbursement of proceeds from the bond issuance for outstanding bonds

Reporting period: 2025

No.	The use of proceeds from the bond issuance	Bond code	Actual status (*) of using the proceeds from the bond issuance accumulated up to 31 December 2024	Actual status (*) of using the proceeds from the bond issuance during the reporting period (from 01/01/2025 to 31/12/2025)	Actual status (*) of using the proceeds from the bond issuance accumulated up to 31 Dec 2025
			VND	VND	VND
I.	**Supplement to Tier 2 Capital**		**4.000.000.000.000**	**4.000.000.000.000**	**8.000.000.000.000**
1	Lending activites		4.000.000.000.000	-	4.000.000.000.000
1.1		VIBL2330004	1.210.000.000.000	-	1.210.000.000.000
1.2		VIBL2330005	790.000.000.000	-	790.000.000.000
1.3		VIBL2431010	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.4		VIB12504		2.425.000.000.000	2.425.000.000.000
1.5		VIB12505		1.575.000.000.000	1.575.000.000.000
II.	**Other purposes in accordance with the law on credit institutions: Increasing the scale of other working capital.**		**16.948.000.000.000**	**17.200.000.000.000**	**34.148.000.000.000**

074101.26

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

No.	The use of proceeds from the bond issuance	Bond code	Actual status (*) of using the proceeds from the bond issuance accumulated up to 31 December 2024	Actual status (*) of using the proceeds from the bond issuance during the reporting period (from 01/01/2025 to 31/12/2025)	Actual status (*) of using the proceeds from the bond issuance accumulated up to 31 Dec 2025
			VND	VND	VND
1	Lending activities		16.948.000.000.000	17.200.000.000.000	16. 948.000.000.000
1.6		VIBL2226001	948.000.000.000	-	948.000.000.000
1.7		VIBL2427001	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.8		VIBL2427002	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
1.9		VIBL2427003	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.10		VIBL2427004	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.11		VIBL2427005	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.12		VIBL2427006	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
1.13		VIBL2427007	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.14		VIBL2427008	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.15		VIBL2427009	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.16		VIB12501	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.17		VIB12502	-	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
1.18		VIB12503	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
1.19		VIB12506	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
1.20		VIB12507	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
1.21		VIB12508	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
1.22		VIB12509	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
1.23		VIB12510	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Tổng (I+II)			**20.948.000.000.000**	**21.200.000.000.000**	**42.148.000.000.000**

Note: During the reporting period, Vietnam International Commercial Joint Stock Bank completed the repurchase procedures for the following bond codes: VIBL2226001, VIBL2330004, VIBL2330005, VIBL2427001, VIBL2427002, VIBL2427003, VIBL2427004, VIBL2427005, VIBL2427006, VIBL2427007, VIBL2427008, VIBL2427009.

We hereby undertake full responsibility before the law for the content, accuracy, and completeness of the above report.

Preparer	On behalf of the Chief Executive Officer
Director of Capital Markets Department – TRS	Authorized Information Disclosure Officer
- Signed -	- Signed and sealed -
Nguyen Ngoc Thanh	Nguyen Minh Hue

(This English translation is for reference purposes only)